

Rx Nephrosteril

Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc. Để xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Thành phần

Thành phần hoạt chất: 1000 ml dung dịch có:

L-Isoleucin	5,10 g
L-Leucin	10,30 g
L-Lysin monoacetat (8 L-Lysin)	10,01 g (8 7,1 g)
L-Methionin	2,80 g
Acetylcystein (8 L-Cystein)	0,50 g (8 0,37 g)
L-Phenylalanin	3,80 g
L-Threonin	4,80 g
L-Tryptophan	1,90 g
L-Valin	6,20 g
L-Arginin	4,90 g
L-Histidin	4,30 g
Glycin	3,20 g
L-Alanin	6,30 g
L-Prolin	4,30 g
L-Serin	4,50 g
L-Malic acid	1,50 g
Glacial acetic acid	1,38 g

Calo	1210 kJ (= 280 kcal)
Hàm lượng acid amin	70 g/l (7%)
Tổng lượng natri	10,8 g/l
Nồng độ thẩm thấu lý thuyết	645 mosm/l

Thành phần tá dược: Nước pha thêm, Natri.

Dạng bào chế

Dung dịch tiêm truyền

Dung dịch trong suốt, nồng độ thẩm thấu lý thuyết 645 mosm/l

Chỉ định

Cung cấp cân bằng các thành phần protein trong điều trị suy thận cấp tính và mãn tính cũng như trong điều trị tăng lọc thẩm tách máu hoặc lọc thẩm tách qua màng bụng.

Liều dùng và cách dùng

Liều dùng:

Nếu không có chỉ định khác:

Liều dùng 0,5 g acid amin/kg thể trọng/ngày = 500 ml Nephrosteril/ngày đối với người 70 kg thể trọng khi có suy thận cấp tính và mãn tính mà không điều trị bằng thẩm tách máu.

Liều dùng đến 1,0 g acid amin/kg thể trọng/ngày = 1000 ml Nephrosteril/ngày đối với người 70 kg thể trọng khi có suy thận cấp tính và mãn tính nhưng đang điều trị bằng lọc thẩm tách máu, lọc máu hoặc thẩm tách qua màng bụng.

Liều tối đa: đến 1,5 g acid amin/kg thể trọng/ngày = 1500 ml Nephrosteril/ngày đối với người 70 kg thể trọng.

Tốc độ truyền không nên quá 20 giọt/phút.

Chỉ định cung cấp calo trước đó hoặc đồng thời qua đường ăn uống hoặc truyền tĩnh mạch.

Khoảng thời gian sử dụng:

Khi có suy thận cấp tính, khoảng thời gian sử dụng dung dịch có thể từ một vài ngày đến tối đa 2 tuần. Trường hợp suy thận mãn nhưng không điều trị bằng lọc thẩm tách máu cũng như trường hợp suy thận cấp tính hoặc mãn tính đang điều trị bằng lọc thẩm tách máu, lọc máu, hoặc lọc thẩm tách qua màng bụng, có thể sử dụng Nephrosteril cho đến khi cung cấp được protein qua đường ăn uống.

Cách dùng:

Dung dịch để truyền tĩnh mạch.



Chống chỉ định

Người bị suy giảm chuyển hóa acid amin, có tiền sử suy giảm chức năng gan, suy tim nghiêm trọng, thừa nước, giảm kali máu, giảm natri máu. Trẻ em dưới 2 tuổi.

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Không sử dụng dung dịch Nephrosteril đã quá hạn sử dụng ghi trên chai.
Không sử dụng nếu dung dịch bị vẩn đục hoặc chai bị hư hỏng.
Phần dung dịch không dùng đến nên vứt bỏ.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc trên phụ nữ có thai, chỉ nên dùng thuốc nếu lợi ích vượt trội so với nguy cơ.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ cho con bú

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc trên phụ nữ cho con bú, nên cân nhắc lợi ích của người mẹ và nguy cơ trên thai nhi trước khi sử dụng thuốc.

Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc

Không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không đáng kể

Tương tác thuốc

Nên tránh việc bổ sung các thuốc khác vì các chất bổ sung có thể dẫn đến các thay đổi lý hoá trong dung dịch acid amin và như vậy có thể có các phản ứng độc tính. Nếu như buộc phải bổ sung các thuốc khác vào, cần lưu ý báo đảm tất trung, trộn lẫn hoàn toàn và các thay đổi khác trong dung dịch cũng như tính tương thích với chúng.

Tác dụng không mong muốn của thuốc

Tốc độ truyền quá mức có thể dẫn đến hiện tượng không tương thích như gây buồn nôn, nóng mình, ớn lạnh và nôn ói.

Lưu ý: Dung dịch này không có các chất điện giải do đó giữ nguyên mức điện giải của máu. Nếu cần có thể cung cấp thêm kali để duy trì khả năng đồng hóa acid amin. Theo dõi thường xuyên cơ chế chuyển hoá nước - chất điện giải cũng như acid - base và ure huyết thanh. Nếu có suy giảm chức năng thận phải điều trị trước hết bằng việc cung cấp đầy đủ nước và chất điện giải.

Dung dịch Nephrosteril cũng có thể làm tăng tiết dịch vị dạ dày và loét do kích thích.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ các phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc:

Quá liều và cách xử trí

Quá liều:

Truyền thuốc quá nhanh có thể dẫn đến hiện tượng không tương thích như gây buồn nôn, nóng mình, ớn lạnh và nôn ói.

Cách xử trí khi dùng thuốc quá liều: Tịch cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời.

Thông tin về dược lý, lâm sàng

Đặc tính dược lực học:

Mã ATC: B05B A01

Nhóm dược lý: acid amin – dung dịch dinh dưỡng đường tiêm.

Các acid amin có trong Nephrosteril đều là các hợp chất sinh lý có trong thiên nhiên. Tương tự các acid amin từ nguồn thức ăn và từ sự đồng hóa các protein trong thức ăn, các acid amin trong dung dịch tiêm truyền sẽ đi vào nguồn dự trữ acid amin tự do của cơ thể và tất cả đều trải qua quá trình chuyển hóa sau đó.

Đặc tính dược động học:

Nephrosteril được sử dụng qua đường tĩnh mạch, nên có sinh khả dụng 100%.

Quy cách đóng gói

Chai 250 ml.

Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc

Điều kiện bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ không quá 30°C. Không đông lạnh. Tránh ánh sáng.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: tiêu chuẩn cơ sở.

Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc

Fresenius Kabi Austria GmbH

Hafnerstrasse (Hafnerstraße) 36, A-8055 Graz, Austria (Áo)

